

Người Tỵ Nạn và Việt Kiều

(Tựa nguyên tác của tác giả)

Sau năm 1975, người Việt Nam bỏ nước ra đi tỵ nạn đã bị cộng sản gọi bằng những danh từ khác nhau. Những danh từ này mang những hậu ý chính trị gian xảo, do đó việc tìm hiểu ý nghĩa chính xác những danh từ này thật cần thiết để chúng ta sử dụng chính xác trong từng trường hợp.

Người tỵ nạn

Khi vào cường chiếm đất miền Nam, cường đoạt tài sản dân miền Nam, cộng sản đã gọi tất cả dân miền Nam là bọn Mỹ Ngụy. Đối với người dân có cơ may vượt thoát được bằng những cuộc vượt biển, vượt biên để xin tỵ nạn ở các xứ tự do, cộng sản dùng nhiều danh từ thô tục để điếm mặt người tỵ nạn.

Trước tiên, trong một hội nghị với các cán bộ tại Hà Nội năm 1975, Trần Phương, chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học Xã hội đã ví von một cách tục tĩu dân miền Nam là những con điếm cho Mỹ làm tình để đổi lấy viện trợ. Cùng trong tư tưởng dâm ô ấy, “Lê Duẩn mặt sát những người di tản là một bọn ma-cô, đi điếm; Phạm văn Đồng chửi người ra đi là bọn phản quốc; và các nhà báo nhà văn cộng sản, kể cả bọn cộng sản 30 cũng chửi hùa theo là những đồ rác rưởi trôi dạt khắp năm châu bốn bể. Cặn bã xã hội, trầy lười lao động, chạy theo bờ thừa sữa cặn”. Nguyễn Trọng Nhân, nguyên Bộ trưởng Y tế còn hằn học hơn khi tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn năm 1993 tại Amsterdam: Những người di tản đáng bị chặt đầu.

Nhưng chẳng bao lâu, cộng sản hiện nguyên hình là bọn gian manh. Năm 1990, khi cộng sản bắt đầu nhận tiền của người tỵ nạn gửi về, bọn điếm được cộng sản “nâng cấp” lên là Việt kiều, và ân tình hơn, Đỗ Mười tuyên bố Việt Kiều là những khúc ruột ở bên ngoài ngàn dặm của dân tộc.

Tưởng cần hiểu từ nguyên chữ Việt kiều để thấy rõ thâm ý của cộng sản. “Kiều” chữ Hán có nghĩa là ở nhờ, ở làng khác hay nước khác được dùng làm tính từ cho những danh từ như “kiều dân” là người sống ở ngoài lãnh thổ mà người đó đã được sinh ra, “kiều bào” là đồng bào ở nước ngoài. Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, người Hoa sống ở VN được gọi là Hoa Kiều và chế độ Hà Nội gọi những người Việt sống ở nước ngoài và ủng hộ họ là “Việt kiều yêu nước”.

Người Việt bỏ xứ ra đi tỵ nạn không phải là Việt kiều, kiều bào, vì những người này đã không chấp nhận chế độ cộng sản, đã sinh cơ lập nghiệp vĩnh viễn trên một quốc gia khác, đã có quốc tịch của một quốc gia khác. Gọi người tỵ nạn là Việt kiều, cộng sản có gian ý là muốn “tóm thâu” cái khối chất xám này là “con dân” của họ, còn đặt dưới quyền sinh sát của họ. Nghị định số 78/2009/NĐ ngày 22/09/2009 về luật quốc tịch xác định rõ quan niệm này, theo đó bao giờ người mang quốc tịch VN chưa được chính phủ VN cho phép từ bỏ quốc tịch, người ấy vẫn còn quốc tịch VN dù rằng người ấy đã có quốc tịch Mỹ, Canada, Úc... Càng lộng ngôn và ngang ngược hơn, với con cháu của người Việt tỵ nạn, dù sinh ra và lớn lên tại các quốc gia của ông cha họ đã định cư, cộng sản cũng xem những người này vẫn có quốc tịch Việt Nam nếu chưa [được] phép làm đơn xin bỏ quốc tịch và chưa được chính phủ VN chấp thuận.

Về điểm này, chúng ta thấy rõ chánh sách trơ tráo, đánh lộn con đen của cộng sản. Theo điều 13, khoản 2, Luật Quốc tịch sửa đổi năm 2008, “Người VN định cư ở nước ngoài vẫn có quốc tịch VN. Sau 5 năm từ khi luật này có hiệu lực, kiều bào phải đến cơ quan đại diện của chính phủ VN tại nước ngoài để đăng ký xin giữ quốc tịch, nếu không, sau ngày 1/7/2014 sẽ mất quốc tịch”.

Sau 5 năm, chỉ có khoảng 6000 người ghi tên xin giữ quốc tịch. Trái với dự tính vì số người xin giữ quốc tịch quá ít, tháng 7/2014, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký luật gia hạn cho người muốn giữ quốc tịch thêm 5 năm nữa, tức là sẽ chấm dứt ngày 1/7/2019.

Ngôn từ cộng sản thật lươn lẹo, lật lọng. Cho đến ngày 1/7/2019, người Việt ở hải ngoại mặc nhiên vẫn còn quốc tịch VN, vẫn bị chi phối bởi Luật quốc tịch VN giải thích “rộng rãi” theo luật rừng. Chính bà Ngô Bá Thành, chuyên viên xách động xuống đường thời VNCH, được CS phong cho chức chủ nhiệm Ủy Ban Pháp Luật của Quốc Hội đã ví von: Việt Nam có một rừng luật và áp dụng luật rừng.

Và cho đến đầu năm 2014, bạo quyền CSVN vẫn còn khư khư giữ quan niệm cha chú này với người Việt tỵ nạn. Trong bài huấn từ của Nguyễn Thanh Sơn, thứ trưởng Bộ Ngoại giao đặc trách Cục Người Việt nước ngoài đã nhấn nhủ cho phái đoàn “Việt Kiều yêu nước” về quê ăn Tết, ông nhắc lại lời của Thủ tướng Võ Văn Kiệt 20 năm trước như sau: “Cộng đồng người Việt ra đi sau chiến tranh và định cư ở nước ngoài rất đặc thù, không giống các cộng đồng ngoại kiều khác. Những thuyền nhân ra đi đa số là vì mục tiêu kinh tế chứ không phải mục đích chính trị. Có bộ phận những người ra đi sau cuộc chiến tranh mang theo tư tưởng hận thù của những người thua trận và được tuyên truyền rất nhiều điều ghê sợ không có thực về chủ nghĩa cộng sản... Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị đã khẳng định rõ chủ trương, chính sách của đảng, nhà nước, coi cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của dân tộc Việt Nam, tức là những người máu mủ ruột thịt thực sự, không phân biệt đó là thành phần nào, đó là ai. (Xuân quê hương 2014 – danlambao 3/2/2014).

Đối với những Việt Kiều yêu nước, cộng sản muốn gọi tên gì thì cứ gọi và sai bảo điều gì thì cứ làm. Nhưng đối với người Việt tỵ nạn cộng sản, họ không phải là Việt kiều mà là người Mỹ, người Canadiens, người Pháp, người Úc, người Đức gốc Việt... Phải gọi chính danh như vậy và phải tôn trọng quyền chọn lựa của họ là không chấp nhận chế độ cộng sản.

Việt Kiều và Nghị Quyết 36

Không người Việt tỵ nạn nào ngu xuẩn tự xưng mình là Việt kiều, nếu có, đó là những Việt kiều yêu nước. Tưởng cần biết qua lai lịch của những Việt kiều yêu nước này.

Đa số những Việt Kiều này là những sinh viên xuất ngoại du học từ thời Việt Nam Cộng Hòa nhờ học bổng của Plan Colombo hay các quốc gia Âu Mỹ. Từ cuối năm 1970, một số con em của những người có thế lực, nhà giàu cũng được xuất ngoại tỵ túc. Những sinh viên có học bổng sau khi hết học bổng không chịu về nước vì sợ đi quân dịch, nên tìm cách ở lại tại các quốc gia đã du học một cách bất hợp pháp. Phương thức thông thường là kết hôn với người dân bản xứ để có quốc tịch, và để biện minh cho hành động hèn nhát, họ chạy theo các phong trào sinh viên phản chiến ở Pháp, Mỹ, Canada để chống chiến tranh Việt Nam mà theo họ là do Mỹ và chế độ quân phiệt miền Nam chủ động. Họ được cộng sản lợi dụng để tuyên truyền và được phong danh hiệu là Việt kiều yêu nước. Sau 1975, nhiều đám sinh viên phản chiến phản quốc này từ Nhật, Âu châu, Mỹ chạy sang Canada xin tỵ nạn cùng lúc với thân nhân của họ vừa di tản đến. Họ trưng cờ đỏ sao vàng ở những tụ điểm của họ, một số xin về nước để lấy uy với bạn bè, nhưng bạo quyền CSVN lạnh lùng với họ, có khi còn bắt họ bởi lẽ cộng sản dư biết những Việt kiều yêu nước này chỉ là bọn hèn, theo đóm ăn tàn.

Từ cuối thập niên 1990 xuất hiện thêm một số Việt kiều yêu nước già, nguyên gốc là HO, có học và vô học, vì không hội nhập được vào xã hội định cư nên đi đi về về Việt Nam để sống với tiên xã hội của quốc gia định cư, một số khác thất nghiệp muốn về VN để kiếm việc, làm ăn buôn bán. Để đạt được ý định, họ lập công với cộng sản bằng những mưu chước hèn hạ, phản bội lại đồng hương và đồng đội họ, xâm nhập vào các hội đoàn, cơ quan ngôn luận để quấy phá. Nghị Quyết 36 nhờ sự tiếp tay của những Việt Kiều trở cờ phản bội này.

Nhiều người Việt tỵ nạn không biết hay xem thường những tác hại của Nghị Quyết 36 viện lẽ không làm chính trị. Ban hành vào tháng 3 năm 2004, Nghị Quyết 36 nhằm mục đích chiêu dụ người Việt ở hải ngoại về nước và đem tài sản về nước để gọi là đầu tư, đồng thời tìm cách khống chế lực lượng người Việt ngoài nước. Nói chung, Nghị Quyết 36 có thể tóm lược trong 5 điểm:

- *Giúp người tỵ nạn trong việc sinh sống*
- *Giúp người tỵ nạn đoàn kết lẫn nhau*
- *Thu góp tiền bạc và chất xám*
- *Biện pháp đối với các thành phần chống lại chính phủ và Đảng ở hải ngoại*
- *Tổ chức văn hóa vận và tình báo ở hải ngoại.*

Nhận định từng điểm, NQ 36 mang bản chất gian xảo, trịch thượng. Làm sao CS có khả năng và uy tín giúp người Việt hải ngoại trong cuộc sinh sống trong khi họ đã đẩy đa số người dân trong nước đến chỗ bần cùng và mất cả đạo lý, và càng tệ hại hơn, họ xuất cảng tệ trạng ăn cắp tràn lan tại những nơi mà cán bộ của họ đi qua, làm xấu xa dân tộc. Tại Nhật, Mã Lai, Thụy Điển, nhiều cửa hàng treo bảng hiệu: Cảnh cáo Ăn cắp vặt, No dogs, no Vietnamese.

Họ nói giúp người tỵ nạn đoàn kết với nhau, nhưng thực sự họ đưa công an và Việt kiều yêu nước xâm nhập các đoàn thể để gây đổ vỡ, đánh phá nhau. Chuyện thu góp tài sản thì quá rõ, từ việc gửi tiền đến Việt kiều du lịch mang về nước tiêu xài cung cấp cho cộng sản 12% GDP, duy chỉ có chuyện thu góp chất xám là một cuộc thảm bại.

Một số tác hại của NQ 36 đã thấy rõ trong một số công tác chiến lược như sau:

- Trường dạy tiếng Việt và sinh hoạt tập thể cho thanh thiếu nhi là lò huấn luyện, tuyên truyền.

Tại những nơi có đông đảo người Việt, cán bộ cộng sản chủ động hay hợp tác với các đoàn thể, tư nhân mở trường dạy tiếng Việt, đưa sách báo từ VN sang, hay soạn sách theo quan điểm tuyên truyền cho cộng sản. Những buổi sinh hoạt tập thể là những cơ hội thuận lợi để cán bộ hay thầy cô thân cộng rỉ tai, hướng dẫn những măng non theo tư tưởng cộng sản. Tùy mức độ ảnh hưởng, chính sách văn hóa vận này tạo một tư tưởng chống đối của giới trẻ với ông cha trong công cuộc chống cộng.

Trong đại hội “Tổng kết 10 năm thực hiện NQ36 và công tác đối với người Việt nước ngoài” ngày 22 tháng 5, 2014, Thứ Trưởng Giáo Dục Trần Quang Quý đã có chỉ thị rõ rệt “...Cần sớm có quy chế về việc dạy tiếng Việt cho người Việt nước ngoài, đặc biệt thể hệ thứ ba, thứ tư để việc kết nối giao lưu được thuận lợi...”

- Xâm nhập các cơ quan truyền thông

Cộng sản đã tung ra hàng triệu mỹ kim để thành lập, hùn vốn để mua chuộc các cơ sở truyền thông ở hải ngoại, bề mặt chủ bởi cộng sản linh tinh, nhưng thỉnh thoảng gài vào những bản tin, bài viết vận động chính trị chiến lược có lợi cho cộng sản. Trong bản tổng kết Hội nghị Người Việt nước ngoài lần thứ hai từ ngày 27-29 tháng 09 năm 2012 ở TP

Hồ Chí Minh, Thứ Trưởng Nguyễn Thanh Sơn, chủ nhiệm Ủy Ban Người Việt nước ngoài đã nói rõ chương trình hành động: “Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, tăng cường đầu tư cho các chương trình dành cho người Việt ở nước ngoài như đài phát thanh, TV, báo chí, thông qua tổ chức các buổi giao lưu văn hóa, nghệ thuật, triển lãm tranh ảnh về đất nước, các hoạt động từ thiện, du lịch, sinh hoạt khoa học, sinh hoạt các nhóm trong cộng đồng người Việt hải ngoại...”

Khuynh đảo, lừa gạt, xảo trá là sở trường của cộng sản. Chúng áp dụng kỹ chiến thuật tuyên truyền của Goebbels (Bộ Trưởng Thông tin Tuyên truyền của Đức Quốc Xã): Nhắc đi nhắc lại hoài một sự việc không đúng sự thật, ban đầu người ta không tin, lần lần người ta bán tín bán nghi, sau cùng người ta tin là sự thật. Internet và báo chí là những phương tiện hữu hiệu để chúng bôi nhọ những người quốc gia tranh đấu chân chính, làm yếu đi lực lượng chống cộng, để từ đó chúng đưa người của chúng vào các hội đoàn. Nhiều tổ chức tranh đấu chính trị đã bị chẻ làm đôi, làm ba và khi các cộng đồng hay tổ chức này bị chúng đánh cho yếu đi hay tan vỡ thì chúng dùng tiền để mua chuộc đám Việt kiều - Việt gian nhảy ra làm bình phong cho chúng hoạt động. Mặc dù chúng dùng mọi mưu chước nhưng cho đến nay, chúng vẫn không thành công lắm trong công tác vận động quần chúng ở Bắc Mỹ, Úc và vài quốc gia ở Tây Âu.

Nhưng cộng sản có hai bộ mặt chông chéo nhau: dịu ngọt và bạo lực

Tạp chí cộng sản gần đây đã viết: “... Tính đến nay, có hơn 100 tổ chức chính trị phản động người VN ở hải ngoại đang nuôi chí phục thù nhằm thực hiện ý đồ đen tối phục quốc. Cầm đầu các hội, các nhóm trên là những phần tử cực đoan, từng là nguy quân nguy quyền cũ, có nhiều nợ máu với cách mạng. Chúng đã, đang móc nối, cấu kết chặt chẽ với nhau và với bọn phản động trong nước để hoạt động chống phá cách mạng nước ta...” (TCCS. Phát huy vai trò của Cộng đồng <http://tapchicongsan.org.vn> ngày 28/05/2013 [Anh ngữ: <http://english.tapchicongsan.org.vn>])

Chánh sách vừa chiêu dụ vừa khủng bố của cộng sản đã có tác dụng phần nào trên các vùng đất có người Việt định cư ở Bắc Âu và Đông Âu, nơi có đông đảo người lao động xuất khẩu, di dân bất hợp pháp và du sinh. Trong thập niên qua, các tòa đại sứ hay lãnh sự cộng sản đã nỗ lực thiết lập 13 cộng đồng người Việt theo chủ trương của NQ 36: “... Nếu chúng ta phát huy cao độ các lợi thế của các lực lượng người Việt Nam ở nước ngoài để phân hóa, cô lập các lực lượng phản động thì chúng ta có thể hạn chế một cách hiệu quả, thiết thực các thế lực thù địch...”. Mười ba cộng đồng cộng sản này là: 4 tại các quốc gia trước đây là cộng sản (Ba Lan, Tiệp Khắc, Nga, Đông Đức), 4 tại các quốc gia có nhiều lao động xuất khẩu (Nam Hàn, Đài Loan, Qatar, Angola), 5 tại các quốc gia ít có người tỵ nạn (Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Thụy Sĩ – (chú thích: tại Thụy Sĩ còn có một cộng đồng chống Cộng của người Việt tỵ nạn). Các chủ tịch các cộng đồng này là người cộng sản, chỉ làm bù nhìn, việc điều khiển Cộng Đồng do sứ quán hay tòa

lãnh sự đảm nhiệm theo quyết định Q12 năm 2008 (Mobiliser les Vietnamiens à l'étranger, p.50).

Ngày 18 tháng 8, 2014, Trung ương đảng đã tổ chức một cuộc “mạn đàm” tại Praha (Tiệp Khắc) quy tụ những nhân vật cao cấp của Bộ Chính Trị từ trong nước và các đại sứ, đại diện 14 cộng đồng người Việt ở Đông Âu, Bắc Âu, kể cả Thụy Sĩ, Anh, Bỉ để “trao đổi công tác xây dựng tổ chức, vận động quần chúng, lôi cuốn giới trẻ tham gia và phát huy các sinh hoạt cộng đồng”.

- Gởi sự quốc doanh ra hải ngoại lập chùa, tu viện

Chùa là nơi gia đình người Việt ty nạn gặp nhau để lễ Phật, niệm kinh, và còn là nơi sinh hoạt xã hội, văn hóa. Biết như vậy, Nguyễn Thanh Sơn, chủ nhiệm Ủy Ban Người Việt nước ngoài đã ký kết với Hòa Thượng Thích Thanh Tứ (Tứ chớ không phải Thích Thanh Từ) Phó Chủ tịch Hội Đồng Trị sự Giáo Hội Phật giáo VN ngày 16/07/2009 một văn kiện nhằm “phối hợp công tác phật sự ở nước ngoài, mở rộng quan hệ, hoạt động của giáo hội sang các nước có đông kiều bào sinh sống”. Từ mười năm nay, tại hải ngoại có nhiều chùa, tu viện được thành lập, mà sinh hoạt chùa không theo truyền thống tôn nghiêm của Phật pháp. Những ngôi chùa này tổ chức đại nhạc hội, du lịch, thi hoa hậu và nhiều sinh hoạt của đời thường. Một số thầy chùa, sư nữ gốc là công an, tác phong không phù hợp với người tu hành, làm người phật tử chân chính chán ngán. Ngôi chùa trở nên cơ sở kinh tài cho cá nhân và đảng, sự quốc doanh làm công tác báo cáo, tuyên truyền cho chế độ. Nghị Quyết 36 đã làm tổn hại rất nhiều đời sống tâm linh của người ty nạn.

Người Việt ở hải ngoại

Ngoài ra, chúng ta thường có thói quen gọi chúng ta thuộc cộng đồng người Việt hải ngoại (diaspora) mà cộng sản gọi là người Việt nước ngoài. Nếu từ ngữ này đúng với tất cả các sắc tộc khác nhưng đối với người Việt, có khi không đúng hẳn bởi lẽ trong số người Việt hải ngoại lại có thêm những người không phải là người ty nạn. Đó là những người xuất khẩu lao động, di dân kinh tế hợp pháp và bất hợp pháp, các du học sinh thân cộng hay theo Cộng. Hiểu như vậy, sự chính xác của từ ngữ sử dụng cần phân biệt theo nội dung và hoàn cảnh.

Quốc gia	Số người	Nguồn
Mỹ	1,548,450	USA Census 2010
Úc	233,390	Census Explorer 2011
Gia-nã-đại	220,420	Canada Census 2011
Pháp	200,000	Các nhà biên khảo Pháp
Đức	125,000	Wikipedia & một số tài liệu
Tây Âu/Bắc Âu	100,000	Local sources
Anh	65,000	UK Census 2011 & phỏng đoán

Tổng cộng	2,492,260	
------------------	------------------	--

Bảng 1- Tổng số người Việt tỵ nạn cộng sản ở hải ngoại

Đông Âu	Số người	Á Châu	Số người
Tiệp Khắc	50,000	Cam-bốt	600,000
Nga	46,000	Đài Loan	180,000
Angola	40,000	Nam Hàn	120,000
Ba Lan	20,000	Thái Lan	100,000
Azerbaijan	10,000	Mã Lai	85,000
Trung Đông	10,000	Nhật Bản	38,000
Ukraine	10,000	Trung cộng	30,000
Slovakia	5,000	Bangladesh	27,000
Áo	5,000	Lào	20,000
Hung-gia-lợi	4,000		
Tổng cộng	200,000	Tổng cộng	1,200,000
		Tổng cộng:	1,400,000

Bảng 2- Số người Việt xuất khẩu lao động, du sinh, định cư hợp pháp và bất hợp pháp tại hải ngoại (Việt Kiều)

Nguồn:

- Người Việt ở nước ngoài @ww.vietkieu.info
- Wikipedia
- Migration Policy Institute
- World Facts Book.

Chú thích:

Bảng thống kê trên, tuy xuất xứ từ các cơ quan thẩm quyền nhưng chỉ là những con số ước lượng gồm có:

- 700,000 người Việt ở Cam-bốt, Thái Lan và Lào là người Việt đã sống lâu đời nhiều thế hệ tại các quốc gia này, đại đa số đã nhập tịch. Về người Việt ở Cam-bốt, số thống kê chỉ là phỏng định vì quốc gia này không có thống kê. Theo Wikipedia, và World Facts Book, người Cam-bốt gốc Việt chiếm 5% dân số tức khoảng 600,000 người. Bertrand Didier trong bài *Vietnamiens au Cambodge* và Annuska Derks trong *A picture of the Vietnamese in Cambodia* trình bày chi tiết các giai đoạn di cư, định cư, diện mạo của người Việt ở Cam-bốt (có thể đọc online).

Migration Policy Institute thiết lập thống kê người di dân VN (immigrants) vào tháng 9 năm 2013 dựa vào ước lượng của United Nations Population Division công bố một con

số thấp hơn chỉ gồm người di cư xuất khẩu lao động: Cam-bốt: 37,000; Lào: 11,000; Thái Lan: 6,000.

- 700,000 người ở Đài Loan, Nam Hàn, Mã Lai, Nhật, Trung cộng, Đông Âu, Nga, Bangladesh, Trung Đông và Phi Châu. Dân số VN tại các quốc gia này thuộc nhiều diện khác nhau:

- một số là cư dân hợp pháp phần lớn là phụ nữ lấy chồng người Đài Loan, Trung cộng, Nam Hàn, Mã Lai và những du học sinh tại các quốc gia Đông Âu, Nga, được nhập tịch tại các quốc gia này.

- một số là người xuất khẩu lao động và cư dân bất hợp pháp.

Như vậy tổng số người Việt ở hải ngoại là:

- Người tỵ nạn cộng sản: 2,500,000 người (số tròn) Bảng 1

- Người Việt di cư kinh tế, xuất khẩu lao động, du học sinh, định cư bất hợp pháp: 1,400,000 người Bảng 2

Tổng cộng số người Việt ở hải ngoại: 3,900,000 người.

Một cách dễ nhớ: 4 triệu người.

Nguồn: Lâm Vĩnh Bình, Giá Tự Do

Về tổng số người Việt ở hải ngoại, thống kê của nhiều người viết, ngay cả những nhà nghiên cứu khoa bảng thường có khuynh hướng khuếch đại con số, bởi lẽ thay vì sử dụng thống kê chính thức của các quốc gia bản xứ, họ lại sử dụng những thống kê của Cục Người Việt nước ngoài của cộng sản mà bản chất là gian dối, thiếu chính xác. Đan kể như luận án tiến sĩ: Mobiliser les Vietnamiens de l'étranger: enjeux, stratégies et effets d'un nationalisme transnational của Christophe Vigne do Institut de recherche sur l'Asie du Sud-Est contemporaine (IRASEC) xuất bản năm 2012 cho biết là người Việt ở hải ngoại là 4.3 triệu người trong đó người Việt ở Mỹ là 2.2 triệu (thay vì 1.5 triệu) và ở Canada là 250,000 (thay vì 220,000). “Le RSVN estime à environ 4.3 M le nombre de Vietnamiens résidents à l'étranger. La communauté vietnamienne des États-Unis est de loin la plus nombreuse avec 2..2M de personnes. Environ 250 000 Viet Kieu vivent au Canada, 120 000 en Allemagne et 60 000 en Russie...(p. 13).

Kết luận

Chúng tôi vừa phân tích hai từ ngữ người tỵ nạn và Việt kiều để phân biệt hoàn cảnh lúc ra đi và vị trí chính trị đối với chế độ cộng sản. Tuy nhiên, khi phải nhắc đến một từ ngữ khác có chữ kiều là kiều hối (mà cộng sản dùng thay cho danh từ ngoại tệ), cái biên giới giữa người tỵ nạn và Việt Kiều như không còn nữa bởi cả hai đều dùng kiều hối để nuôi dưỡng và củng cố chế độ trong nước.

Thật vậy, kể từ khi Clinton bắt tay với VN năm 1995, người Việt tỵ nạn về nước ào ạt vì đủ thứ lý do, thăm gia đình, du lịch, du hí... Thật là khó hiểu khi nhiều người đã ra đi tìm cái sống trong cái chết để vượt biển, vượt biên sau những ngày đói rách, khổ nhục hay bị lao tù, và trên đất mới, sau đó cũng không bao lâu, họ lại quay trở về để tiếp tục luân cúi, nịnh bợ công an, cán bộ phường xã, những người trước đó không lâu là kẻ thù của họ. Vui thú, vinh quang gì? Cứ mỗi lần Tết đến, có khoảng nửa triệu người về VN ăn Tết, mỗi người mang về VN để chi tiêu trung bình khoảng \$4,000 mỹ kim, như vậy cộng sản có được dễ dàng ít nhất 2 tỷ mỹ kim “kiều hối” chỉ trong hai tháng. Ngoài ra, việc gửi tiền về VN triền miên từ 40 năm nay để nói là giúp đỡ thân nhân cũng là hiện tượng cần suy nghĩ, bởi lẽ chính số “kiều hối” khổng lồ này đã nuôi dưỡng, củng cố chế độ và duy trì một lớp thân nhân ỷ lại lười biếng, thỏa hiệp với công an để được dễ dàng trong cuộc sống. Dưới lăng kính này, người tỵ nạn có khác gì những Việt kiều yêu nước hay xuất khẩu lao động thân cộng?

Theo Viện Nghiên cứu Quản Lý Kinh Tế Trung Ương (Central Institute for Economic Management CIEM), “tính từ năm 1991 đến 2013, lượng kiều hối gửi về hơn 90 tỷ mỹ kim, là chiếc phao cứu tinh cho nhiều doanh nghiệp và là nguồn tài chính quan trọng cho quốc gia. Số tiền trên không kể đến 28% ‘kiều hối chui’ không qua đường dây chính thức và những khoản tiền tiêu khi Việt kiều về thăm nhà. Chỉ năm 2013, số kiều hối gửi về là 11 tỷ. Mỹ là quốc gia chuyển ‘kiều hối’ về VN nhiều nhất (57% trong tổng số ‘kiều hối’ chính thức), kế đó là Úc (khoảng 9%), Canada (8%), Đức (6%), Pháp (4%). ‘Kiều hối’ là nguồn vốn thứ hai tại VN sau FDI (chú thích của người viết: Foreign Direct Investment là tiền ngoại quốc đem vào VN đầu tư) giúp tăng tiết kiệm, đầu tư, giảm nợ, cải tiến bảng xếp hạng tín nhiệm quốc gia, giúp ổn định tỷ giá, cân cân thanh toán và tăng dự trữ ngoại hối. Tóm lại, ‘kiều hối’ dùng để trả sinh hoạt hằng ngày, đầu tư vào sản xuất kinh doanh và trả nợ.” (Cứu tinh của nền kinh tế VN /Alan Phan - ngày 18/12/2014.)

Thông tin trên phát xuất từ một cơ quan kinh tế chiến lược đầu não của cộng sản đã cho thấy không phải là nhóm Việt kiều Đông Âu, hay nói chung những Việt kiều thân Cộng đã gửi tiền về nước để nuôi chế độ mà chính đa số là người tỵ nạn. Chỉ tại 5 quốc gia có đông đảo người tỵ nạn, đặc biệt là Hoa Kỳ, đã đóng góp hàng năm cho cộng sản VN 84% ngoại tệ. Có gì phi lý hơn, khi người Việt ở Mỹ, Úc, Canada, Pháp, Tây Đức là thành trì chống Việt cộng, nhưng đồng thời cũng là đại ngân hàng tài trợ cho Việt cộng. Giải quyết cái phi lý này phải là chuyện số một phải làm, tuy đã muộn màng lắm rồi, trước khi nói đến những chuyện tranh đấu khác.

Lâm Văn Bé

Về tác giả Lâm Văn Bé: Trước 1975, tác giả làm việc và từng giữ các chức vụ:

- Giáo sư, Giám học, Hiệu trưởng Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho
- Tổng Thư Ký Viện Đại Học Tiền Giang
- Chánh Sở Học Chánh Định Tường

Sau 1975, ông làm Giám đốc Thư Viện Mile End ở Montreal, Canada. Hiện nay, ông về hưu và dành thời gian viết biên khảo.



Nguồn: Internet E-mail by MD Trịnh Tường Vân, TD50CTCT/SDND chuyển

*Đăng ngày Thứ Hai, October 30, 2017
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*